

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-PT

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

V/v thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng

Ông Trần Xuân Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Diệu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2024/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc “Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”, do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 50/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2187/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Dư Văn Đ, sinh năm 1992; nơi thường trú: xóm T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nơi tạm trú và nơi ở hiện nay: xóm T, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1994; nơi thường trú: xóm T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (hiện đang làm việc ở Đài Loan).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Đỗ Thị H: Chị Hoàng Thị H1, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu Dư Mỹ H2, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2017 (là con chung của anh Dư Văn Đ và chị Đỗ Thị H).

- *Người kháng cáo:* Chị Đỗ Thị H (là bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là anh Dư Văn Đ trình bày:

Anh Đ và chị Đỗ Thị H đã được Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên giải quyết cho ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 139/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/9/2019. Theo nội dung Quyết định này, anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Dư Mỹ H2 sinh ngày 17/4/2017, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H vì anh Đ chưa có yêu cầu.

Đến năm 2021, anh Đ và chị H thống nhất thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Theo Quyết định số 64/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên thì chị Đỗ Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dư Mỹ H2 cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Tuy nhiên hiện nay chị H đang đi lao động tại Đài Loan, cháu H2 ở cùng với bố mẹ đẻ của chị H. Sau khi giao cháu H2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh bị hạn chế việc chăm sóc con, nhà anh và nhà chị H cách nhà nhau 400m nhưng anh chỉ được đón cháu H2 đi chơi vào cuối tuần, bị giới hạn thời gian từ sáng đến 16 giờ chiều cùng ngày phải chở cháu về nhà bố mẹ đẻ chị H. Nhiều lần anh muốn cháu H2 ăn cơm tối ở nhà anh và sẽ chở cháu về vào ngày hôm sau thì gia đình chị H chửi mắng và dọa sẽ không được đón cháu H2 nữa khiến cháu H2 rất hoảng sợ. Quá trình chăm sóc cháu H2, anh nhận thấy cháu có những câu nói thiếu chuẩn mực, sai lệch, cháu học chậm hơn so với độ tuổi.

Hiện nay anh đang công tác tại Công an xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên với mức lương trung bình hàng tháng khoảng 15 triệu đồng; ngoài ra, anh Đ còn kinh doanh ngoài, có nhà riêng tại xóm T, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, anh luôn tạo môi trường tốt nhất cho con phát triển từ suy nghĩ và thể chất. Chị H đang đi xuất khẩu lao động không có mặt tại nhà để kèm cặp và chăm sóc cháu Dư Mỹ H2 (như thỏa thuận thay đổi quyền nuôi con của chị H vào năm 2021 chị H đã không còn đủ các điều kiện trong thỏa thuận).

2. Bị đơn là chị Đỗ Thị H có đơn đề nghị gửi từ Đài Loan qua đường bưu điện về Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, trong đơn chị H trình bày:

Chị xác định đã ly hôn với anh Đ năm 2019, chị đã để anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Dư Mỹ H2. Tuy nhiên anh Đ không có thời gian chăm sóc cháu do anh công tác xa nhà, cháu H2 ở với ông bà nội. Sau khoảng 1 năm anh Đ lấy vợ mới, vợ mới của anh Đ đã có một con riêng; cháu H2 ở chung với anh Đ và mẹ kế, cháu H2 kể với chị rằng cháu bị mẹ kế dọa đánh; cháu có biểu hiện nhìn thấy người là sợ hãi, không dám tiếp xúc. Vì vậy, năm 2021 chị và anh Đ đã thống nhất thỏa thuận chị H là người trực tiếp nuôi con chung theo Quyết định của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Hiện nay chị đi lao động tại Đài Loan, hàng tháng vẫn gửi tiền về cho bố mẹ đẻ của chị để nuôi cháu H2, cháu H2 ở lớp được nhận xét là học tập tốt, ngoan ngoãn, lễ phép. Anh Đ đã lấy vợ mới, hiện phải nuôi 03 đứa con (02 con chung và 01 con

riêng); hoàn cảnh gia đình của anh Đ khó khăn vì thu nhập hạn chế, không thể lo chu đáo cho cháu H2. Chị đề nghị hoãn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh Đ để đợi chị lao động trở về nước rồi xem xét.

3. Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 50/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Dur Văn Đ đối với chị Đỗ Thị H về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Chuyển quyền nuôi con chung là Dur Mỹ H2, sinh ngày 17/4/2017 từ chị Đỗ Thị H sang cho anh Dur Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Đỗ Thị H có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Dur Văn Đ không yêu cầu, Tòa án không xem xét. Các bên thực hiện quyền yêu cầu thay đổi theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm; phổ biến quyền kháng cáo và thủ tục thi hành bản án cho các đương sự theo quy định.

4. Kháng cáo: Ngày 25/10/2024, bị đơn là chị Đỗ Thị H có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

5.1. Nguyên đơn là anh Dur Văn Đ giữ nguyên đơn khởi kiện và phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Đỗ Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

5.2. Người đại diện hợp pháp của người kháng cáo là chị Hoàng Thị H1 xác định chị H giữ nguyên đơn kháng cáo, giao nộp 02 bức thư của cháu H2 có nội dung cháu H nguyện vọng được ở với mẹ và trình bày: Hiện tại cháu H2 ở với ông bà ngoại và được chăm sóc tốt, cháu phát triển khỏe mạnh và học tập tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của chị H, sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu thay đổi nuôi con chung của anh Dur Văn Đ.

5.3. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy chị H đang ở nước ngoài, không thể trực tiếp

chăm sóc con. Bản thân anh Đ là cha đẻ của cháu H2, có đủ điều kiện về mọi mặt để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2. Cháu H2 có mong muốn ở với bố. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu H2, Tòa án cấp sơ thẩm chuyển quyền nuôi con Dư Mỹ H2 từ chị H sang cho anh Đ là có căn cứ pháp luật. Chị H kháng cáo nhưng không cung cấp, bổ sung được tài liệu chứng cứ mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị H. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự, của những người tham gia tố tụng khác và ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh Dư Văn Đ và chị Đỗ Thị H kết hôn năm 2016, có 01 con chung là cháu Dư Mỹ H2 sinh ngày 17/4/2017. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 139/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định công nhận: Anh Dư Văn Đ và chị Đỗ Thị H nhất trí thuận tình ly hôn; về con chung, hai bên thỏa thuận anh Dư Văn Đ sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dư Mỹ H2.

Tháng 4/2021, chị Đỗ Thị H khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Trên cơ sở sự thỏa thuận của các bên, ngày 21/6/2021 Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 64/2021/QĐST-HNGĐ công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, cụ thể chị Đỗ Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dư Mỹ H2 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Anh Đ cho rằng hiện nay chị H đang đi lao động tại Đài Loan; cháu H2 ở cùng với bố mẹ đẻ của chị H, anh bị hạn chế việc chăm sóc con và anh nhận thấy cháu có những câu nói thiếu chuẩn mực, học chậm hơn so với độ tuổi; chị H không còn đủ các điều kiện như đã thỏa thuận thay đổi quyền nuôi con vào năm 2021. Do vậy, ngày 04/7/2024 anh Dư Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 từ chị H sang cho anh.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quy định của pháp luật hiện hành đối với trường hợp giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn:

Tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn như sau:

“1. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều này, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con;

b) Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên... ”.

Về việc lấy ý kiến của người con từ đủ 07 tuổi trở lên, tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

“Đối với vụ án tranh chấp về nuôi con khi ly hôn hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, Thẩm phán phải lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ bảy tuổi trở lên, trường hợp cần thiết có thể mời đại diện cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em chứng kiến, tham gia ý kiến. Việc lấy ý kiến của con chưa thành niên và các thủ tục tố tụng khác đối với người chưa thành niên phải bảo đảm thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi, mức độ trưởng thành, khả năng nhận thức của người chưa thành niên, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, giữ bí mật cá nhân của người chưa thành niên”.

Tại Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình” có hướng dẫn như sau:

“1. Khi xem xét “quyền lợi về mọi mặt của con” quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình phải đánh giá khách quan, toàn diện các tiêu chí sau đây:

a) Điều kiện, khả năng của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, bao gồm cả khả năng bảo vệ con khỏi bị xâm hại, bóc lột;

b) Quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, được duy trì mối quan hệ với người cha, mẹ không trực tiếp nuôi;

c) Sự gắn bó, thân thiết của con với cha, mẹ;

d) Sự quan tâm của cha, mẹ đối với con;

đ) Bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con;

e) Nguyện vọng của con được ở cùng với anh, chị, em (nếu có) để bảo đảm ổn định tâm lý và tình cảm của con;

g) Nguyện vọng của con được sống chung với cha hoặc mẹ.

2. Việc lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ 07 tuổi trở lên quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) *Bảo đảm thân thiện, phù hợp với tâm lý, độ tuổi, mức độ trưởng thành để con có thể bày tỏ đúng và đầy đủ ý kiến của mình;*

b) *Không lấy ý kiến trước mặt cha, mẹ để tránh gây áp lực tâm lý cho con;*

c) *Không ép buộc, không gây áp lực, căng thẳng cho con”.*

[2] Khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hướng dẫn tại mục 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định: chị Đỗ Thị H đi làm việc tại Đài Loan từ ngày 10/9/2023, để cháu H2 ở với bố mẹ đẻ của chị H; anh Đ đang làm Công an tại xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên với mức lương trung bình hàng tháng khoảng 15 triệu đồng, có nhà riêng tại xóm T, xã P, huyện Đ; chị H và anh Đ đều có công việc và thu nhập đủ để nuôi con là đúng với thực trạng của cả anh Đ và chị H.

[3] Về việc xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên: Cháu Dư Mỹ H2 sinh ngày 17/4/2017, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2024) thì cháu H2 đã trên 07 tuổi nên thuộc trường hợp phải lấy ý kiến của cháu H2 theo đúng các quy định nêu trên. Trong hồ sơ vụ án có bút lục số 27 cháu Dư Mỹ H2 tự viết “Bản tự khai” đề ngày 10/8/2024 tại “nhà bố Đ” thể hiện nội dung: *“hiện cháu ở với ông bà ngoại... mẹ cháu đi nước ngoài cháu có nguyện vọng muốn về ở với bố Đ”*. Tuy nhiên “Bản tự khai” này chỉ có chữ ký của anh Dư Văn Đ, không bảo đảm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao như đã trích dẫn ở trên. Mặt khác, ngày 19/8/2024 Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã lấy lời khai của ông Đỗ Văn D và bà Cao Thị D1 (là bố mẹ chị H, hiện đang nuôi dưỡng cháu H2) nhưng khi xét xử thì chưa được xem xét, đánh giá.

[4] Để có căn cứ xem xét đúng ý kiến, nguyện vọng của cháu H2 và thực trạng điều kiện, hoàn cảnh, khả năng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H2, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ban hành Quyết định ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành việc xác minh, thu thập bổ sung chứng cứ, kết quả:

Ngày 18/3/2025, đại diện Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã đến Trường Tiểu học M, xã M, huyện Đ để trực tiếp lấy lời khai của cháu Dư Mỹ H2 (có sự chứng kiến của bà Trần Lan H3 là Hiệu trưởng Trường Tiểu học M và bà Mai Thị Huyền C là Giáo viên chủ nhiệm lớp của cháu H2), cháu Dư Mỹ H2 có ý kiến như sau: *“...Hiện cháu đang ở với ông bà ngoại, ông bà ngoại rất quan tâm, yêu thương cháu. Cháu không thích ở với bố cháu vì bố cháu đi làm xa, cháu thỉnh thoảng được bố cháu đón về nhà ông bà nội chơi cùng bố, dì H4 (là vợ mới của bố) và chị con riêng của dì H4 cùng với 02 em là con riêng của bố và dì H4. Bố đi làm xa không quan tâm, chăm sóc con được như ông bà ngoại. Mẹ cháu đi làm xa nhưng vẫn thường xuyên gọi điện cho cháu, yêu thương và quan tâm cháu. Vì vậy cháu muốn ở với mẹ cháu”*. Phía cuối Biên bản thể hiện sau khi xác nhận việc lập Biên bản ghi lời khai cháu H2, cô Giáo viên chủ nhiệm lớp còn có lời ghi chú: *“Hàng ngày, mọi hoạt động học tập của H2 ở trên lớp, mẹ H rất quan tâm và chu đáo với con”*.

Cùng ngày 18/3/2025, đại diện Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ cũng đã phối hợp với T xóm T đến làm việc trực tiếp với gia đình ông Đỗ Văn P (bố đẻ chị H, là người đang được chị H nhờ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H2), được ông P cung cấp: “*Tháng 9/2023, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, ký hợp đồng lao động thời hạn 03 năm, đến tháng 9/2026 hết hạn hợp đồng lao động. Chị H để con cho vợ chồng tôi chăm sóc, nuôi dưỡng và thường xuyên gửi tiền về cho vợ chồng tôi nuôi dưỡng cháu H2. Hàng ngày, vợ chồng chúng tôi quan tâm chăm lo, chăm sóc cháu H2 và đưa đón cháu đi học. Chị H đi làm xa vẫn hàng ngày gọi điện thoại về cho con, báo ban con học bài. Thịnh thoảng anh Đ đến đón cháu H2 về nhà ông bà nội chơi nhưng cháu H2 vẫn chỉ thích ở với vợ chồng tôi và mẹ cháu là Đỗ Thị H. Từ khi cháu về ở với vợ chồng tôi, anh Đ không gửi tiền hay gửi đồ gì cho vợ chồng tôi để nuôi cháu H2. Toàn bộ tiền ăn, tiền học của cháu H2 do chị H gửi về*”.

Tiến hành xác minh tại địa phương, ông Đoàn Văn C1 (là Trưởng xóm T) cung cấp: “*... Từ khi cháu H2 về ở cùng ông P và bà D1, hai ông bà Phương D2 chăm sóc cháu H2 rất tốt. Hàng ngày ông P, bà D2 chăm lo cho cháu H2 từ những chuyện nhỏ nhặt nhất, rất quan tâm, yêu thương và có trách nhiệm với cháu H2... anh Dư Văn Đ rất ít khi về thăm nom cháu H2, thỉnh thoảng về 1-2 lần/tháng. Ông P bà D2 làm trang trại chăn nuôi, có đủ điều kiện kinh tế và thời gian để trông nom chăm sóc cháu H2... ”.*

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Dư Văn Đ trình bày: Sau khi anh và chị H ly hôn, anh đã kết hôn với người vợ hiện tại vào tháng 12/2020 và có 03 người con (01 con riêng của vợ sinh năm 2016 và 02 con chung sinh năm 2022, 2024); gia đình anh hiện đang sinh sống tại xóm T, xã P, huyện Đ (cách nơi cháu H2 hiện đang ở khoảng 50km) và bản thân anh làm Phó Trưởng Công an xã, thu nhập trung bình 21 triệu đồng/tháng. Anh Đ cho rằng, vợ anh làm kinh doanh, đã mua đất, xây nhà đổi diện trường học P là môi trường tốt cho cháu H2 học tập nên anh mong muốn được đón cháu H2 về học. Kể từ ngày chuyển cháu H2 cho chị H nuôi dưỡng, thỉnh thoảng anh có đón cháu H2 về chơi, mặc dù anh không đóng góp để nuôi cháu H2 nhưng anh thường mua quà cho cháu.

[6] Trên cơ sở các quy định của pháp luật, tổng hợp những tình tiết và những nội dung phân tích ở trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Chị H mặc dù đi lao động ở Đài Loan, không trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 trong một thời gian nhưng chị H đã nhờ bố mẹ đẻ của chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bảo vệ cháu H2 và bảo đảm tốt quyền lợi về mọi mặt của con; không có hành vi nào vi phạm nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh Đ mặc dù rất yêu thương con nhưng hiện tại anh Đ đã lập gia đình mới, có 03 con nhỏ và đang sinh sống, công tác cách nơi ở hiện tại của cháu H2 50km. Bản thân cháu H2 có mong muốn được ở cùng mẹ và ông bà ngoại. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ về việc thay đổi nuôi con là không phù hợp với nguyện vọng của con, ảnh hưởng đến sự ổn định, xáo trộn môi trường sống, tâm lý, tình cảm của cháu Dư Mỹ H2; kháng cáo của chị H là có căn cứ chấp nhận, cần sửa bản án sơ thẩm cho đúng quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của chị Đỗ Thị H; sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

1. Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6 và Điều 8 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình,

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Dư Văn Đ đối với chị Đỗ Thị H về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là cháu Dư Mỹ H2 sau khi ly hôn.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

2.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Dư Văn Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm anh Dư Văn Đ đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000104 ngày 12/7/2024.

2.2. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Chị Đỗ Thị H không phải chịu. Trả lại cho chị Đỗ Thị H 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm do chị Hoàng Thị H1 nộp thay chị H tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000220 ngày 29/11/2024.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 20 tháng 3 năm 2025).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Điền

